

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0172007 - Thực hành trắc địa
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thuận	3471010323	31/03/1992				
2	Lưu Đức	Toàn	3671040005	22/11/1994		5,00	5,00	
3	Vũ Nhật	Hoàng	3671040011	06/04/1994		,00	,00	Nợ HP
4	Hân Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991		5,00	5,00	
5	Đình Công	Hậu	3671040020	18/11/1994		7,00	7,00	
6	Lương Đình	Huy	3671040027	13/07/1994		7,00	7,00	
7	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994		,00	,00	Nợ HP
8	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994		5,00	5,00	
9	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994		6,00	6,00	
10	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993		5,00	5,00	
11	Nguyễn Văn	Công	3671040051	08/01/1994		6,00	6,00	
12	Nguyễn Quang	Đức	3671040055	03/12/1994		7,00	7,00	
13	Phạm Nhật	Trường	3671040060	26/12/1994		,00	,00	Nợ HP
14	Trần Văn	Kiên	3671040079	15/07/1994		6,00	6,00	Nợ HP
15	Phạm Trung	Hà	3671040080	04/09/1994		,00	,00	Nợ HP
16	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994		7,00	7,00	
17	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994		7,00	7,00	
18	Phạm Văn	Thông	3671040090	05/11/1994		8,00	8,00	Nợ HP
19	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994		5,00	5,00	
20	Nguyễn Hồng	Dương	3671040124	18/11/1994		6,00	6,00	
21	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993		7,00	7,00	
22	Nguyễn Hữu	Thường	3671040140	21/06/1993		6,00	6,00	
23	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993		7,00	7,00	
24	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993		,00	,00	Nợ HP
25	Bùi Hữu	Quyền	3671040170	20/02/1992		7,00	7,00	
26	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994		7,00	7,00	
27	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994		7,00	7,00	
28	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994		,00	,00	Nợ HP
29	Thi Văn	Thiện	3671040196	20/02/1994		7,00	7,00	
30	Tạ Đình	Kha	3671040204	30/05/1994		7,00	7,00	
31	Hoàng Xuân	Nam	3671040213	28/10/1994		6,00	6,00	Nợ HP
32	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994		6,00	6,00	
33	Nguyễn Văn	Đệ	3671040218	06/11/1994		6,00	6,00	
34	Nguyễn Hữu	Hiền	3671040230	01/06/1994		6,00	6,00	
35	Bùi Ngọc	Hải	3671040235	27/10/1994		7,00	7,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994		5,00	5,00	
37	Vũ Ngọc	Đức	3671040274	04/03/1993		7,00	7,00	
38	Nguyễn Quang	Trại	3671040280	10/06/1994		7,00	7,00	
39	Nguyễn Phạm Mít Shi Bit	Shu	3671040282	10/08/1994		5,00	5,00	
40	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994		6,00	6,00	
41	Biện Hữu	Kha	3671040320	20/05/1994		7,00	7,00	
42	Trần	Tiến	3671040329	23/04/1994		7,00	7,00	
43	Phạm Công	Hưng	3671040332	16/10/1993		7,00	7,00	
44	Phạm Phương	Cương	3671040336	19/10/1994		7,00	7,00	
45	Huỳnh Ngọc	Tân	3671040354	26/04/1994		7,00	7,00	
46	Nguyễn Phát	Tài	3671040366	04/07/1994		,00	,00	Nợ HP
47	Vũ Minh	Hùng	3671040371	18/03/1994		8,00	8,00	
48	Lê Quang	Đông	3671040388	02/01/1994		7,00	7,00	
49	Phạm Quốc	Đạt	3671040419	27/05/1994		8,00	8,00	
50	Võ Minh	Cương	3671040422	08/07/1994		5,00	5,00	Nợ HP
51	Nguyễn Văn	Điền	3671040428	25/03/1993		7,00	7,00	
52	Nguyễn Đức	Trọng	3671040434	07/04/1994		8,00	8,00	
53	Võ Minh	Hiệp	3671040436	28/09/1994		,00	,00	Nợ HP
54	Nguyễn Văn	Dĩnh	3671040445	16/07/1992		8,00	8,00	
55	Nguyễn Việt	An	3671040452	30/05/1993		7,00	7,00	
56	Hoàng Văn	Trình	3671040455	22/02/1993		8,00	8,00	
57	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992		6,00	6,00	
58	Lê Minh	Mẫn	3671040482	16/10/1994		6,00	6,00	
59	Trần Đức	Nhật	3671040495	25/10/1994		6,00	6,00	
60	Lương Hoàng Phước	Trân	3671040499	19/01/1993		7,00	7,00	
61	Trần Đình	Hiếu	3671040501	15/07/1994		7,00	7,00	
62	Huỳnh Tấn	Phát	3671040505	04/09/1994		7,00	7,00	
63	Vũ Hải	Đặng	3671040512	19/08/1994		8,00	8,00	
64	Trần Kim	Hồ	3671040522	20/11/1993		8,00	8,00	
65	Nguyễn Quốc	Cường	3671040526	12/05/1994		5,00	5,00	
66	Nguyễn Hữu	Tùng	3671040528	10/12/1993		7,00	7,00	
67	Trần Thiên	Hoàng	3671040531	02/02/1994		8,00	8,00	
68	Trần Minh	Thành	3671040542	26/08/1994		7,00	7,00	
69	Trần Tuấn	Anh	3671040545	06/11/1994		7,00	7,00	
70	Nguyễn Hoàng	Châu	3671040546	12/06/1994		5,00	5,00	
71	Phan Hiền	Nhân	3671040568	02/02/1994		,00	,00	Nợ HP
72	Hồ Văn	Đạt	3671040572	28/10/1994		7,00	7,00	
73	Nguyễn Xuân	Dục	3671040573	05/10/1993		7,00	7,00	Nợ HP
74	Phạm Minh Hồng	Đại	3671040574	05/09/1994		8,00	8,00	
75	Trần Hữu	Vinh	3671040577	16/01/1994		8,00	8,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Văn	Nam	3671040580	15/03/1993		6,00	6,00	
77	Nguyễn Công	Lương	3671040594	02/01/1994		8,00	8,00	
78	Nguyễn Trần Đông	Triệu	3671040615	01/01/1994		7,00	7,00	Nợ HP
79	Nguyễn Đình	Chung	3671040622	02/10/1994		6,00	6,00	
80	Biền Văn	Lượng	3671040628	30/10/1994		7,00	7,00	
81	Bùi Ngọc	Hiếu	3671040633	28/11/1994		,00	,00	Nợ HP
82	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994		7,00	7,00	
83	Trần Tấn	Vũ	3671040647	18/08/1994		8,00	8,00	
84	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994				
85	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993		5,00	5,00	
86	Bá Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991				
87	Nguyễn Nguyên	Vũ	3671041645	10/05/1994		5,00	5,00	Nợ HP
88	Nguyễn Ngọc	Sang	3671041646	02/01/1993		7,00	7,00	
89	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994				Nợ HP
90	Nguyễn Hữu	Cơ	3671041981	20/04/1994		7,00	7,00	
91	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994		7,00	7,00	
92	Lưu Công	Nghĩa	3671041989	09/01/1994		6,00	6,00	
93	Nguyễn Thọ	Hoan	3671042003	20/12/1994		,00	,00	
94	Huỳnh Tấn	Lâm	3671042021	02/10/1994				
95	Nguyễn Hồng	Sơn	3671042032	16/10/1992				
96	Trương Quốc	Quân	3671042041	05/05/1994		7,00	7,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)